TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 69/2019/QĐST –HNGĐ

Phổ Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Hoài T, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Xóm Hạ Vụ 1, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.
Chổ ở hiện nay: Xóm 11, xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Xóm Hạ Vụ 1, xã VP, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đựoc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Vi Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Vi Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn M đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Vi Phi H, sinh ngày 13/5/2014.

Chị T, anh M thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Vi Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Nguyễn Vi Phi H, sinh ngày

13/5/2014. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2019. Anh M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Tài sản chung: Chị Vi Thị Hoài T và anh Nguyễn Văn M đều xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là: 01 chiếc xe Honda, màu xám đen, hiệu AIRLADE có biển kiểm soát 20H1-37114, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn M, do Công an tỉnh TN cấp ngày 13/12/2016, trị giá còn lại của xe là 25.000.000đồng.

Chị T, anh M thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh M được quyền sở hữu, sử dụng 01 chiếc xe Honda, màu xám đen, hiệu AIRLADE có biển kiểm soát 20H1-37114, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn M do Công an TN cấp ngày 13/12/2016. Anh M có trách nhiệm trích chia cho chị T số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) là trị giá của một nửa chiếc xe máy trên. Thời hạn anh M trả số tiền cho chị T là ngày 15/10/2019 (dương lịch).

Chị T được quyền sở hữu số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng) do anh M trả.

Chị T, anh M thống nhất thỏa thuận không tính lãi suất chậm trả nếu anh M chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và trả tiền cho chị T.

2.4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Vi Thị Hoài T nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009935 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Án phí về tài sản có giá ngạch: Chị T phải nộp 300.000đồng, anh M phải nộp 325.000đồng để sung quỹ Nhà Nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY;
- UBND xã VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thị Thu Thủy